

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**VŨ THỊ YẾN**

**ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC NINH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ TƯ NHÂN TỪ NĂM 1997 ĐẾN NĂM 2015**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 62 22 03 15

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

**Hà Nội - 2020**

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Hoa

TS. Phạm Thị Lương Diệu

Phản biện: .....

.....

Phản biện: .....

.....

Phản biện: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án

tiến sĩ họp tại .....

vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN Free Trade Area	AFTA
Ban Chấp hành	BCH
Ban Chấp hành Trung ương	BCHTƯ
Cải cách hành chính	CCHC
Cụm công nghiệp	CCN
Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CNH, HĐH
Doanh nghiệp dân doanh	DNDD
Doanh nghiệp nhà nước	DNNN
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	DNVVN
Doanh nghiệp tư nhân	DNTN
Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCSVN
Foreign Direct Investment	FDI
Hội đồng nhân dân	HĐND
Kinh tế - xã hội	KT – XH
Khu công nghiệp	KCN
Kinh tế tư nhân	KTTN
Official Development Assistance	ODA
Nhà xuất bản	Nxb
Sở Kế hoạch – đầu tư	Sở KHĐT
United States dollar	USD
Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
Ủy ban nhân dân	UBND
Vườn ao chuồng	VAC
Xã hội chủ nghĩa	XHCN
World Trade Organization	WTO

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Kinh tế tư nhân (KTTN) là một trong những thành phần kinh tế quan trọng, góp phần đắc lực vào việc phát triển nền kinh tế. Ở Việt Nam, cho đến trước Đổi mới (1986), KTTN không được phép phát triển. Trong tình trạng nền kinh tế khó khăn, rơi vào tình trạng suy thoái rồi khủng hoảng, ĐCSVN quyết định tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế.

Chỉ đến thời kỳ đổi mới mới cục bộ và tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của ĐCSVN (1986), KTTN Việt Nam mới từng bước bước ra khỏi những trói buộc và kiềm tỏa từ phía Nhà nước, có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp ngày càng nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân, đem lại những thay đổi tích cực cho đời sống KT - XH của đất nước.

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và là cầu nối giữa Hà Nội với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, Bắc Ninh nổi lên là một tỉnh công nghiệp phát triển, có bước đột phá lớn từ năm 2010 trở lại đây. Trong bức tranh kinh tế chung, khu vực/thành phần KTTN của tỉnh Bắc Ninh cũng có những bước tiến mạnh mẽ. Từ khi tái lập Tỉnh (01/01/1997), triển khai đường lối của Trung ương, kế thừa những chủ trương của Tỉnh ủy Hà Bắc, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới; trong đó, thành phần KTTN được tạo điều kiện phát triển, mang lại những đóng góp to lớn cho kinh tế địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN cũng như bản thân khu vực KTTN của tỉnh Bắc Ninh cũng bộc lộ không ít hạn chế. Những hạn chế đó trở thành rào cản, khiến cho KTTN của tỉnh Bắc Ninh chưa thể phát triển tương xứng với yêu cầu và tiềm năng hiện có.

Thực tiễn nêu trên đặt ra yêu cầu cấp bách cần phải nhìn nhận lại một cách đầy đủ, khách quan, khoa học và toàn diện về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những giai đoạn trước đây, nhận thức rõ ưu, nhược điểm trong sự lãnh đạo ấy; từ đó, rút ra những kinh nghiệm phục vụ hiện tại.

Xuất phát từ góc độ tiếp cận đó, chúng tôi quyết định chọn đề tài: **“Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015”** làm luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, chuyên ngành lịch sử Đảng CSVN của mình.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

#### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh trong phát triển KTTN từ năm 1997 đến năm 2015; từ đó, rút ra một số kinh nghiệm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, có giá trị tham khảo cho hiện tại.

#### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án; chỉ ra những thành tựu nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.

- Trình bày và phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những năm 1997-2015.

- Phân tích và làm rõ chủ trương cũng như những biện pháp, giải pháp của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh nhằm hiện thực hóa các chủ trương đó trong lãnh đạo phát triển KTTN từ năm 1997 đến năm 2015.

- Nêu những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển KTTN từ năm 1997-2015; từ đó đúc rút một số kinh nghiệm phục vụ hiện tại.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh trong lãnh đạo phát triển KTTN từ năm 1997 đến năm 2015.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Toàn tỉnh Bắc Ninh (gồm 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện); trong đó có chú trọng hơn đến một số huyện, thị tiêu biểu. Ngoài ra, để có cái nhìn so sánh, luận án cũng mở rộng phạm vi.

- Về thời gian: Luận án có mốc bắt đầu nghiên cứu là năm 1997. Mốc kết thúc nghiên cứu của luận án là năm 2015.

- Về nội dung khoa học: Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN ở cả 3 bộ phận cấu thành là kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân.

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

**4.1. Phương pháp luận:** Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, phương pháp luận sử học.

**4.2. Phương pháp nghiên cứu:** Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như phương pháp lịch sử, phương pháp logic và logic-lịch sử. Ngoài ra, các phương pháp như phương pháp phân tích, tổng hợp; so sánh, đối chiếu, thống kê...

### **5. Nguồn tư liệu**

*Một là*, Các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về kinh tế, về KTTN..... *Hai là*, các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, thông tư, sắc lệnh...của Đảng; chính phủ, của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, các cấp chính quyền tỉnh Bắc Ninh về phát triển kinh tế - xã hội, về KTTN... *Ba là*, các công trình nghiên cứu khoa học, các sách, báo có liên quan về kinh tế và KTTN do các cơ quan nghiên cứu uy tín đã công bố... *Bốn là*, tài liệu thống kê của Tổng cục thống kê Nhà nước và của tỉnh Bắc Ninh.

### **6. Những đóng góp mới của luận án**

#### **6.1. Về tư liệu**

Khai thác khối lượng tư liệu khá phong phú, đa dạng và đáng tin cậy. Nguồn tài liệu tham khảo, phụ lục của luận án có thể đóng góp cho việc nghiên cứu một số vấn đề thuộc về hoặc có liên quan đến phát triển KTTN ở Việt Nam và Bắc Ninh, thời kỳ 1997-2015.

#### **6.2. Về nội dung khoa học**

- Bức tranh lịch sử về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những năm 1997-2015 được mô tả, phục dựng tương đối đầy đủ, khách quan góp phần làm giàu hơn những tri thức, những hiểu biết về lịch sử KT - XH tỉnh Bắc Ninh nói chung, KTTN Bắc Ninh và lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh nói riêng.

- Những kinh nghiệm lịch sử được đúc rút từ quá trình Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo KTTN những năm 1997 - 2015 có thể vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

- Những kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ Bắc Ninh, hoặc làm tư liệu tham khảo cho các cơ quan, cá nhân nghiên cứu, giảng dạy.

**7. Kết cấu của luận án:** Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2005

Chương 3. Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển kinh tế tư nhân từ năm 2005 đến năm 2015

Chương 4. Nhận xét và kinh nghiệm

**Chương 1**  
**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN**  
**ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

**1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án**

**1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh tế tư nhân**

Nổi bật trong nhóm tác phẩm nghiên cứu về tư nhân hóa, về KTTN có các công trình như: "*Privatization and development: insights from a holistic approach with special reference to the case of Jordan*" [254]; "*The United Kingdom "Privatization in Developing Countries: What Are the Lessons of Recent Experience?"*" [259]; "*The Privatization of the Fixed-Line Telecommunications Operator in OECD, Latin America, Asia, and Africa: One Size Does Not Fit All*" [255]...

Một trong những quốc gia được nhiều nhà khoa học tập trung khảo cứu về cải cách kinh tế, chuyển đổi một bộ phận nền kinh tế sang KTTN là Trung Quốc, có lẽ bởi Trung Quốc là một quốc gia có nhiều nét tương đồng về thể chế kinh tế với Việt Nam. Tiêu biểu là các công trình như: "*Kinh nghiệm của Trung Quốc trong cải cách và phát triển kinh tế*" [252]; "*Phát triển khu vực kinh tế tư nhân kinh nghiệm Trung Quốc và bài học cho Việt Nam*" [1]; "*Vai trò khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế Trung Quốc*" [118]; "*Phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc*" [178]; "*Những chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc hiện nay*" [15]; "*Đảng Cộng sản Trung Quốc với việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân*" [110]...

Cùng viết về KTTN ngoài Việt Nam, một số tác giả khác quan tâm đến các nền kinh tế chuyển đổi. Tiêu biểu như các công trình: "*Kinh tế tư nhân trong giai đoạn toàn cầu hóa*" [253]; "*Kinh tế tư nhân trong một số nền kinh tế chuyển đổi Đông Á*" [142]; "*Kinh tế tư nhân ở một số nền kinh tế chuyển đổi những năm qua*" [176]; "*Vai trò của kinh tế tư nhân ở các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi*" [109]...

Nghiên cứu về KTTN Việt Nam có hàng loạt các công trình như: "*Aspects of Private Sector Development in Vietnam*" [260] "*The State and Private Sector in Vietnam*" [256]; "*Vietnam Private Sector: Productivity and Prosperity*" [257]; ...

Ngoài các công trình nêu trên, viết về KTTN Việt Nam, đặt nó trong bức tranh tổng thể của nền kinh tế có các nghiên cứu sau: "*Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân - Lý luận và chính sách*" [135]; "*Giải pháp huy động vốn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn nước ngoài đối với phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam*" [155]; "*Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam lý luận và thực tiễn*" [111]; "*Kinh tế tư nhân Việt Nam sau 2 thập kỷ đổi mới thực trạng và những vấn đề đặt ra*" [177]; "*Sự vận động, phát triển của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*" [146]; "*Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay*" [149]; "*Effect of Public Investment on Private Investment and Economic Growth: Evidence From Vietnam by Economic Industries*" [258].....

Viết về KTTN Việt Nam còn có các công trình như "*WTO thuận lợi và thách thức cho các Doanh nghiệp Việt Nam*" [112]; "*Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa*" [134] của tác giả Vũ Trọng Lâm, Nxb.CTQG, Hà Nội, 2006]; "*Kinh tế tư nhân Việt Nam trong tiến trình hội nhập*" [108]; "*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay*" [175]...

Ngoài những công trình nghiên cứu về KTTN trên phạm vi cả nước, còn có những công trình nghiên cứu về phát triển KTTN trong phạm vi khu vực, địa phương. Cụ thể là:

Cuốn sách: “*Kinh tế - xã hội nhân văn trong phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội*” của nhóm tác giả GS.TSKH Lê Du Phong, PGS.TS Hoàng Văn Hoa, PGS.TS Nguyễn Văn Áng [114]. Cuốn sách: “*Phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội*” của tác giả TS. Nguyễn Minh Phong [115].

Ngoài những công trình nghiên cứu được viết dưới dạng sách thì còn có một số luận văn, luận án nghiên cứu về KTTN ở khu vực, địa phương như: “*Giải pháp tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân đồng bằng sông Cửu Long*” [174]; “*Xu hướng phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn Tp.Hồ Chí Minh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*” [119]; “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ ở thành phố Hải Phòng*” [148]; “*Phát triển kinh tế tư nhân ở Nghệ An*” [170]; “*Kinh tế cá thể, tiểu chủ ở Nghệ An trong quá trình đổi mới, thực trạng và giải pháp*” [46]; “*Vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng ở địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay*” [17]...

Bên cạnh đó cũng có một số bài viết về KTTN ở địa phương đăng trên Tạp chí khoa học như: “*Kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và xu thế phát triển*” [2]; “*Định hướng và khuyến khích tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Đồng Nai*” [172]; “*Làm thế nào để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân ở thành phố Đà Nẵng*” [85]; “*Quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thực trạng và những vấn đề đặt ra*” [79]....

### **1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng, của các Đảng bộ địa phương về phát triển kinh tế tư nhân**

Viết về sự lãnh đạo của Đảng đối với KTTN có các công trình như: “*Kinh tế tư nhân – quan niệm và giải pháp phát triển*” [117]; “*Phát triển kinh tế tư nhân và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” [82]; “*Kinh tế tư nhân – động lực của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa: thực trạng và một số giải pháp*” [47]; “*Chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân thời kỳ đổi mới*” [48]; “*Chủ trương của Đảng về thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại các tập đoàn kinh tế nhà nước - những vướng mắc và vấn đề đặt ra*” [50]; “*Đảng Cộng sản Việt Nam với quá trình phát triển kinh tế hộ trong những năm đổi mới*” [51]; “*Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về kinh tế tư nhân qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*” [52]; “*Dấu ấn về sự lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế*” [116]; “*Phát triển kinh tế tư nhân, một chủ trương lớn của Đảng ta trong quá trình đổi mới kinh tế*” [133]...

Tiếp cận dưới góc độ Triết học, có bài viết “*Phát triển kinh tế tư nhân và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” [82], tác giả Vũ Văn Gàu.

Viết về vấn đề Đảng viên làm KTTN còn có hàng loạt các công trình khác như: “*Vai trò của kinh tế tư nhân đối với quá trình phát triển kinh tế của nước ta hiện nay*” [100]; “*Đảng viên làm kinh tế tư nhân có trái ngược với mục tiêu lý tưởng của Đảng*” [99]; “*Mấy vấn đề phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*” [101]; “*Mấy suy nghĩ về đảng viên làm kinh tế tư nhân*” [104] “*Bàn thêm vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân*” [15]; “*Đảng viên làm kinh tế tư nhân, thực trạng và giải pháp*” [152]...

Cuốn sách “*Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*” [154] là kết quả của công trình nghiên cứu đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.0104. Bài viết “*Phát triển kinh tế tư nhân: Từ quan điểm của Đảng đến thực tiễn hiện nay*” [Tạp chí Cộng sản điện tử, đăng 1/11/2016 21:17] của tác giả Phạm Tất Thắng.

### **1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về kinh tế tư nhân ở Bắc Ninh và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với phát triển kinh tế tư nhân**

Có một số bài báo, tạp chí viết về KTTN ở Bắc Ninh như “*Phát triển làng nghề ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới*” [144]. Nhìn nhận hoạt động các KCN ở Bắc Ninh với tư cách là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế của Tỉnh phát triển (trong đó có KTTN), trong bài viết “*Hoạt động của các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2005-2012*”, tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang [151], bài viết “*Bắc Ninh nhìn lại 15 năm thu hút đầu tư nước ngoài những điều chỉnh chính sách trong thời gian tới*” [4], tác giả Nguyễn Nhân Chiền.

Ngoài các bài viết nêu trên, còn có các luận văn, luận án tiến sĩ và được tiếp cận chủ yếu dưới góc độ kinh tế học. Cụ thể là:

Luận án Tiến sĩ “*Quá trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ 1997 - 2003 - Thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp*” [75]. Luận án “*Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Bắc Ninh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*” của tác giả Nguyễn Đức Chính [23]. Công trình “*Quá trình hoàn thiện các chính sách thúc đẩy phát triển làng nghề của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn từ 1997 đến 2003 - Thực trạng, kinh nghiệm và giải pháp*” của tác giả Nguyễn Như Chung [24]. Tiếp cận từ góc độ kinh tế học có luận văn thạc sĩ của Bùi Thị Nhung: “*Kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*” [113].

*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2008)* [3] đã tổng kết quá trình hình thành, hoạt động, phát triển của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh gắn với các giai đoạn lịch sử lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ, trong đó có lãnh đạo KTTN.

## **1.2. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tập trung giải quyết**

### **1.2.1. Kết quả nghiên cứu**

#### **1.2.1.1. Về nội dung khoa học**

Một là, những công trình nghiên cứu nêu trên đã góp phần làm rõ các khái niệm công cụ, khung lý thuyết liên quan đến KTTN. Cụ thể như sau:

Các tài liệu được khảo cứu đều nhất trí rằng, đây là khu vực kinh tế nằm ngoài quốc doanh (ngoài khu vực kinh tế Nhà nước), bao gồm các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó tư nhân nắm trên 50% vốn đầu tư. KTTN là tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh không dựa trên sở hữu Nhà nước về các yếu tố của quá trình sản xuất.

Các nhà khoa học cũng chỉ ra rằng, tại Việt Nam, ở cấp độ địa phương, lãnh đạo phát triển KTTN chủ yếu tập trung vào bốn nội dung sau: 1- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho KTTN; 2- Hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư; 3-Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực vật chất của KTTN; 4- Phát triển nguồn nhân lực.

Hai là, một số công trình nghiên cứu về KTTN ở một số nước trên thế giới đã cho thấy quá trình hình thành, phát triển, vai trò của KTTN đối với nền kinh tế quốc gia, phản ánh các quan điểm, tư tưởng, chính sách, giải pháp đổi mới, phát triển KTTN; từ đó, các nhà nghiên cứu đã rút ra khá nhiều bài học và kinh nghiệm có giá trị cho phát triển KTTN ở Việt Nam.

Ba là, các công trình nghiên cứu về KTTN ở Việt Nam đều thừa nhận KTTN là khu vực kinh tế cung cấp khối lượng sản phẩm lớn nhất cho xã hội.

Bốn là, các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ địa phương (trong đó có Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN đều có chung nhận thức: Quá trình đổi mới tư duy kinh tế của Đảng từ năm 1986 đã đem lại những bước phát triển vượt bậc của KTTN ở Việt Nam. Ở các địa phương cụ thể,



Đảng bộ các cấp đã quán triệt, vận dụng chủ trương của Đảng về kinh tế nói chung, về KTTN nói riêng vào điều kiện địa phương một cách phù hợp và đã đạt được những kết quả khả quan.

*Năm là*, mặc dù các nhà nghiên cứu đi trước đã có những nỗ lực to lớn trong nghiên cứu về KTTN nói chung, ở Việt Nam và ở các địa phương cụ thể (trong đó có Bắc Ninh của Việt Nam nói riêng; tuy nhiên, liên quan đến đề tài này, vẫn còn những “khoảng trống” trong nghiên cứu. Đặc biệt về phát triển KTTN ở Bắc Ninh.

#### *1.2.1.2. Về tư liệu*

Để hoàn thành mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu trong các công trình khoa học nêu trên, các tác giả đã sưu tầm và xử lý một khối lượng lớn các loại tư liệu khác nhau.

#### *1.2.1.3. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu*

Nghiên cứu về KTTN nói chung, về KTTN ở tỉnh Bắc Ninh nói riêng có sự tiếp cận khá phong phú, trên nhiều góc độ khác nhau như kinh tế học, xã hội học, khoa học quản lý, lịch sử, lịch sử Đảng...

Trong những công trình được khảo cứu nêu trên, các tác giả sử dụng khá đa dạng, phong phú các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành tùy vào góc độ tiếp cận.

#### **1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết**

*Thứ nhất*, những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những năm 1997-2015. Phân tích những yếu tố đó, luận án chỉ ra sự tác động cả tích cực và tiêu cực đến hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN từ năm 1997 đến năm 2015.

*Thứ hai*, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN qua hai giai đoạn nghiên cứu: 1997-2005; 2005-2015.

*Thứ ba*, quá trình hiện thực hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về KTTN qua hai giai đoạn nghiên cứu: 1997-2005; 2005-2015.

*Thứ tư*, những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những năm 1997-2015.

*Thứ năm*, một số kinh nghiệm chủ yếu, tiêu biểu, mang tính đại diện được rút ra từ việc nhìn nhận, đánh giá, phân tích những ưu điểm, hạn chế trong hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN những năm 1997-2015.

### **Tiểu kết chương 1**

Qua thực tiễn khảo cứu các công trình khoa học liên quan cho thấy KTTN là bộ phận kinh tế quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thành quả của những công trình nghiên cứu nêu trên, ở những mức độ khác nhau đã soi rọi và là cơ sở để những người nghiên cứu đi sau có thể kế thừa trong nghiên cứu các vấn đề về phát triển kinh tế và KTTN trên cả nước nói chung, ở tỉnh Bắc Ninh nói riêng.

Dù đã được các nhà khoa học nỗ lực nghiên cứu song nghiên cứu về hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển KTTN những năm 1997-2015 cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có một công trình đầy đủ, hệ thống, nhằm qua đó rút kinh nghiệm phục vụ hiện tại. Vì thế, tiếp tục, làm rõ những khoảng trống lịch sử trong hướng nghiên cứu này không chỉ hết sức cần thiết, mà còn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, có tính thời sự nóng hổi.

**Chương 2**  
**CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC NINH VỀ PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ TƯ NHÂN**  
**TỪ NĂM 1997 ĐẾN NĂM 2005**

**2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ Tỉnh**

**2.1.1. Những yếu tố tác động**

*2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh*

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng. Diện tích tự nhiên 822,7 km<sup>2</sup>, toàn tỉnh Bắc Ninh dân số khoảng 1.200.000 người (2015). Tỉnh có 08 đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện, với 126 xã, phường và thị trấn.

Các điều kiện về tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước thuận lợi cho sự phát triển KTTN. Về truyền thống lịch sử và văn hóa, Bắc Ninh là vùng đất văn hiến có truyền thống lịch sử và văn hoá lâu đời trở thành nguồn động lực tinh thần tạo nên sức mạnh to lớn để Đảng bộ và nhân dân Bắc Ninh không ngừng phấn đấu, vươn lên, phát triển ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, góp phần phát triển đất nước. Về cơ sở kinh tế và hạ tầng, từ xa xưa, Bắc Ninh được biết đến là “vùng đất trăm nghề” và nay vẫn còn duy trì được hơn 100 làng nghề, trong đó có 62 làng nghề truyền thống. Phát triển các làng nghề truyền thống là cơ sở để phát triển KTTN, góp phần tạo nên bức tranh kinh tế đa dạng, với nhiều thành phần kinh tế. Bắc Ninh là tỉnh có hệ thống giao thông đa dạng, gồm cả đường bộ, đường sắt và đường sông thuận lợi cho phát triển KTTN.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, điều kiện tự nhiên cũng gây ra những khó khăn nhất định cho sự phát triển KTTN của Bắc Ninh: Diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh là 822,7 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 0,2% diện tích tự nhiên cả nước và là địa phương có diện tích tự nhiên nhỏ nhất trong 63 tỉnh, thành phố. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của Bắc Ninh nhìn chung khá nghèo nàn cả về chủng loại và trữ lượng. Về dân số, nguồn nhân lực, Bắc Ninh là địa phương có mật độ dân số cao, tuy nhiên chất lượng nguồn nhân lực chưa được cao và đồng đều. Bắc Ninh có nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội còn yếu kém.

*2.1.1.2. Thực trạng kinh tế tư nhân tỉnh Bắc Ninh trước năm 1997*

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI (12-1986), công cuộc đổi mới đất nước được khởi xướng. Trong xu thế chung đó, KTTN ở Bắc Ninh cũng từng bước được cởi trói và có bước phát triển. Sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (04/1988) hộ trở thành đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn ở Bắc Ninh.

Tháng 5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 16-NQ/TW về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1995, nếu ở Bắc Ninh chỉ có 7.657 hộ cá thể sản xuất công nghiệp, 5.685 hộ kinh doanh thương nghiệp, khách sạn, dịch vụ, thì năm 1996 đã tăng lên 8.069 hộ cá thể sản xuất công nghiệp và 6.139 hộ kinh doanh thương nghiệp, khách sạn, dịch vụ [20, tr.92]. Thực hiện chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, KTTN ở tỉnh Bắc Ninh vẫn còn không ít những hạn chế nhất định đòi hỏi Đảng bộ Tỉnh cần phải kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp tích cực, phù hợp nhằm đưa khu vực KTTN phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

*2.1.1.3. Chủ trương của Đảng*

Về mặt pháp lý, cho đến Đại hội lần thứ VI (1986), Đảng CSVN mới chính thức thừa nhận sự tồn tại của KTTN. Đại hội lần thứ VII (1991) của Đảng, KTTN chính thức được “cởi trói”, trở thành một thành phần kinh tế độc lập, có quyền phát triển và năng động đóng góp cho nền kinh tế đất nước.

Đại hội VIII (6-1996) chủ trương: “Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (...). Tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước” [61; tr. 677-678]. Tiếp nối quan điểm của Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ 4 BCH TƯ Đảng khóa VIII (29/12/1997) đã coi kinh tế trang trại là một trong những loại hình kinh của thành phần KTTN. Đặc biệt, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/10/1998 của BCH TƯ Đảng khóa VIII đã khẳng định: Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho KTTN phát triển không hạn chế quy mô và địa bàn hoạt động trong những lĩnh vực mà Nhà nước không cấm...[65; tr. 681].

Đại hội IX (1-2001) của ĐCSVN tiếp tục có những nhận thức mới hơn, chính xác hơn khi khẳng định: “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh” [57;tr.96].

Tiếp đó, Nghị quyết chuyên đề về KTTN - Nghị quyết 14-NQ/TW “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” xác định “kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân” [58], Nghị quyết 14-NQ/TW khẳng định: “Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa... [58], tiếp tục hoàn thiện và tăng cường quản lý nhà nước đối với KTTN.

Như vậy, dần từng bước, Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, phát triển nhận thức để tạo ra cơ chế, chính sách thông thoáng, phù hợp, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho KTTN tiếp tục tiến về phía trước.

### **2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ Tỉnh**

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XV khai mạc ngày 15-10-1997 – đây là Đại hội đầu tiên sau khi tái lập Tỉnh. Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh chủ trương tiếp tục thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần gắn với đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả kinh tế [69; tr.22-23].

Đặc biệt, đối với thành phần KTTN, Đảng bộ Tỉnh khẳng định nhiều vấn đề cụ thể. *Nghị quyết số 04-NQ/TU* ngày 25 tháng 5 năm 1998 của BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp xác định phương hướng phát triển làng nghề ở tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 03-01-2001, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XVI được khai mạc. Định hướng chính phát triển KT- XH tỉnh Bắc Ninh được Đại hội chỉ ra là: Phấn đấu đến năm 2015 Bắc Ninh cơ bản thành tỉnh công nghiệp; đẩy mạnh CNH, HĐH theo định hướng XHCN, phát triển KT- XH với nhịp độ cao, hiệu quả, bền vững [70; tr.50].

*Nghị quyết 12-NQ/TU* năm 2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về phát triển Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp; đặc biệt, là *Nghị quyết 02-NQ/TU* của BCH Đảng bộ Tỉnh khóa XVI, ngày 4-5-2001 Về xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đưa ra. Năm 2002, Hội nghị lần thứ 8 BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (khóa XVI) ngày 7 tháng 5 năm 2002 ra *Kết luận số 01- KL/TU* Về xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp vừa và nhỏ, khu công nghiệp làng nghề trên địa bàn Tỉnh.

Tóm lại, quan điểm, chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển KTTN của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh những năm 1997-2005 là: *Một là*, luôn coi thành phần KTTN là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. *Hai là*, xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo điều kiện để KTTN phát triển lành mạnh và đúng hướng phát huy mặt tích cực của KTTN, hạn chế mặt tiêu cực của thành phần kinh tế này. *Ba là*, trên nền tảng kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. *Bốn là*, tạo lập, phát triển các điều kiện thuận lợi cho KTTN phát triển.

Năm là, phát triển KTTN trong tất cả các lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đặc biệt chú ý đến phát triển làng nghề, kinh tế trang trại, kinh tế hộ....

## **2.2. Hiện thực hóa chủ trương của Đảng bộ**

### **2.2.1. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi**

#### **2.2.1.1. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô**

Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1997) đã xác định các chỉ tiêu về kinh tế vĩ mô. Năm 2001, Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh được tổ chức nhằm xác định mục tiêu, phương hướng phát triển của Tỉnh giai đoạn 2001-2005.

Một trong những chỉ số quan trọng cho thấy “sức khỏe” của kinh tế vĩ mô là sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế. Cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Ninh chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực: Tỷ trọng trong GDP của ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 35,7% năm 2000 lên 47,1% năm 2005, dịch vụ tăng từ 26,3% lên 27,2%, nông nghiệp giảm từ 38% xuống còn 25,7% [71; tr.14.]. Ngoài ra, tổng thu ngân sách nhà nước của Tỉnh tăng bình quân hàng năm 34,7%, năm 2005 ước đạt 1.067 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với năm 2000 và gấp 2,4 lần so với chỉ tiêu Đại hội XVI đề ra [71; tr.16].

#### **2.2.1.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư**

Về chính sách khuyến khích đầu tư cho KTTN, “tạo môi trường thuận lợi để mở rộng liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong nước; thu hút nguồn vốn nước ngoài để xây dựng kết cấu hạ tầng và đầu tư vào các khu công nghiệp” [69; tr.43], tạo điều kiện cho kinh tế tư bản tư nhân phát triển, ngày 12 tháng 10 năm 1998, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành *Quyết định số 80/1998/QĐ-UB* Về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Tiếp đó, ngày 30/8/2002, *Quyết định 104/2002/QĐ-UB* của UBND Tỉnh ra đời, bổ sung quy định về ưu đãi khuyến khích đầu tư. Hỗ trợ cho các Quyết định nêu trên, Liên Sở Công nghiệp - Sở Tài nguyên Môi trường ra *Hướng dẫn liên ngành số 142/HD-LN* ngày 12/6/2001.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy về “tích cực thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài để phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn” [70;tr.36], UBND tỉnh Bắc Ninh đã có *Quyết định số 60/2001/QĐ-UB* ngày 26/6/2001 ban hành Quy định ưu đãi khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; *Quyết định số 104/2002/QĐ-UB* ngày 30/08/2002 của UBND tỉnh Bắc Ninh bổ sung một số điều của quy định ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại *Quyết định 60/2001/QĐ-UB*. [192]. Ngày 10/10/2005, UBND Tỉnh có *Quyết định số 128/2005/QĐ-UB* Về ban hành quy chế quản lý các khu công nghiệp nhỏ và vừa, các cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [206].

*Quyết định 107/2002/QĐ-UB* ngày 30/8/2002 của UBND Tỉnh khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư khai thác, phát triển du lịch; theo đó, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong, ngoài hàng rào khu du lịch. *Quyết định 107/2002/QĐ-UB* cũng nêu rõ về việc hỗ trợ về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng [197]. *Quyết định 107/2002/QĐ-UB* cũng hỗ trợ về kinh phí liên quan đến đất đai.

#### **2.2.1.3. Phát triển kết cấu hạ tầng**

Thực hiện chủ trương về phát triển “cơ sở hạ tầng tạo tiền đề hình thành các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp và xây dựng tinh lý theo quy hoạch” [69; tr.22], *xây dựng cơ sở hạ tầng* được Đảng bộ Tỉnh hết sức chú trọng trên quan điểm đó là nền tảng để thu hút đầu tư, phát triển KTTN. Cụ thể là UBND Tỉnh hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn theo *Quyết định số 39/QĐ-UB* ngày 21/4/2000; *Quyết định số 66/QĐ-UB* ngày 18/7/2001; *Quyết định 170/QĐ-UB* ngày 22/12/2005; theo đó, Nhà nước hỗ

trợ 20% giá trị khối lượng hoàn thành, xã khó khăn là 40% [192]. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kiên cố hoá kênh mương cấp 3 của các xã theo *Quyết định số 902/QĐ-CT* ngày 13/10/1999, *Nghị định số 11/2000/NQ-HĐND*, ngày 26/4/2000; theo đó, Nhà nước hỗ trợ 50% giá trị tổng mức đầu tư, riêng đối với các xã khó khăn là 70% giá trị tổng mức đầu tư. Năm 2004, UBND Tỉnh ban hành *Quyết định 134/2004/QĐ-UBND* ban hành quy trình thực hiện dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tỉnh Bắc Ninh. [204]. Đặc biệt, vấn đề huy động vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng được Đảng bộ, UBND Tỉnh hết sức coi trọng. *Nghị quyết 37/2005/NQ-HĐND15* về việc huy động, hỗ trợ và sử dụng vốn xây dựng, nâng cấp đường giao thông là một trong những minh chứng cho kết luận đó. Ngoài việc phát triển mạng lưới giao thông thuận tiện, Đảng bộ Tỉnh còn chỉ đạo *phát triển hệ thống điện và thông tin liên lạc*.

#### *2.2.1.4. Cải cách hành chính*

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về “tập trung cải cách thủ tục hành chính những lĩnh vực: Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh, giao quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng” [69; tr.61], năm 2000, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành *Quyết định số 30/2000/QĐ-UB* ngày 05/04/2000 về việc giao nhiệm vụ đăng ký kinh doanh cấp huyện, thị xã; đổi tên Phòng Doanh nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành Phòng Đăng ký kinh doanh trong Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nhằm giảm thiểu thời gian làm thủ tục, hồ sơ đầu tư, *Quyết định 117-QĐ/UB* ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Bắc Ninh ra đời.

Từ năm 2004, tỉnh Bắc Ninh đẩy mạnh thực hiện cơ chế “một cửa”. *Quyết định 13/2004/QĐ-UB* ngày 16/2/2004 của UBND tỉnh Bắc Ninh tập trung vào việc thực hiện một số các giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CCHC [201].

#### *2.2.2. Tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lực vật chất*

##### *2.2.2.1. Tiếp cận đất đai*

Những năm 1997-2005, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành hàng loạt các quyết định về khung giá mức bồi thường các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tạo ra một hành lang pháp lý nhất định cho khu vực KTTN tiếp cận quỹ đất của Tỉnh. Các *Quyết định 84/CT* ngày 3/6/1997; *Quyết định 36/1998/QĐ-UB* ngày 13/6/1998, *Quyết định 74/1998/QĐ-UB* ngày 11/9/1998; *Quyết định 69/2004/QĐ-UB* ngày 28/12/2004 của UBND Tỉnh quy định khung giá các loại đất để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất; hợp thức hoá quyền sử dụng đất, cho thuê đất; tính giá trị tài sản khi giao đất và bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi... Các *Chỉ thị 12/UB-CT* ngày 24/12/1997, *Quyết định 945/1998/QĐ-UB* ngày 01/10/1998... về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính..., tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý đất đai trên địa bàn Tỉnh theo hướng minh bạch, hiệu quả.

Ngày 10/10/2005, UBND Tỉnh có *Quyết định số 128/2005/QĐ-UB* Về việc ban hành quy chế quản lý các khu công nghiệp nhỏ và vừa, các cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [206].

Tuy nhiên, dù các cấp chính quyền đã rất cố gắng, song thiếu mặt bằng sản xuất, cũng như các điều kiện hạ tầng sản xuất cần thiết là tình trạng chung của khu vực KTTN.

##### *2.2.2.2. Tiếp cận, hỗ trợ vốn*

*Chỉ thị số 05/CT* của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 23 tháng 3 năm 1998 chỉ đạo “các Chi nhánh Ngân hàng thương mại quốc doanh sớm hình thành bộ máy phục vụ thanh toán quốc tế, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế đối ngoại, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp các cơ quan và nhân dân đến giao dịch và gửi ngoại tệ” [180].

*Quyết định 60/2001/QĐ-UB* tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn từ các nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, các Ngân hàng thương mại quốc doanh trên cơ sở cấp bù lãi suất sau đầu tư,

thẩm định hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án [192]. Ngày 22/2/2002, UBND tỉnh Bắc Ninh ra *Quyết định số 23/2002/QĐ-UB*, quy định về thưởng cho các đơn vị sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm và hỗ trợ đối với các sản phẩm mới. Tiếp đó, theo *Quyết định số 105/2002/QĐ-UB* ngày 30/8/2002 của UBND Tỉnh, Quỹ khuyến công được thành lập [195]. Ngoài ra, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành *Quyết định 106/2002/QĐ-UB* ngày 30/8/2002 về việc thành lập và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu. Để điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa, UBND tỉnh Bắc Ninh thay thế *Quyết định 106/2002/QĐ-UB* ngày 30/08/2002 bằng *Quyết định 88/2004/QĐ-UB* ngày 10/06/2004 về việc ban hành Quy chế hình thành, sử dụng và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu Bắc Ninh.

Với những chính sách thông thoáng đó, từ sau khi tái lập tỉnh Bắc Ninh khu vực KTTN tăng nhanh cả về số lượng và tiến bộ về cơ cấu so với cả nước.

### **2.2.3. Hỗ trợ kinh tế tư nhân tháo gỡ khó khăn, khuyến khích ứng dụng khoa học – công nghệ**

#### **2.1.3.1. Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn**

Ngày 17/4/1998, Chủ tịch UBND Tỉnh ra *Chỉ thị số 06/1998/CT-UB* về giải quyết các kiến nghị của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Để các doanh nghiệp KTTN có một khung pháp lý rõ ràng về bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ sở sản xuất và hoạt động sản xuất, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ra một loạt văn bản, quy định rõ những yêu cầu về môi trường. Cụ thể là ngày 6 tháng 9 năm 1997, UBND Tỉnh Bắc Ninh ra *Quyết định 203-QĐ/UB* Về đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển kinh tế xã hội và sản xuất kinh doanh trên địa bàn Tỉnh. Tiếp đến, UBND Tỉnh ban hành *Quyết định số 71-QĐ/UB* ngày 4 tháng 7 năm 2000 Về chế độ khuyến khích và biện pháp quản lý hoạt động khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường. Sau đó, UBND Tỉnh tiếp tục ra *Quyết định số 76-QĐ/UB* ngày 16 tháng 7 năm 2000 về quy chế bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh; *Quyết định số 2218-QĐ/CT* ngày 1 tháng 11 năm 2005 của UBND Tỉnh về phê duyệt quy hoạch môi trường tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2006-2010....

*Quản lý xuất, nhập khẩu* là một trong những điều kiện quan trọng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển. Nhận thức rõ điều đó, *Quyết định số 40/1999/QĐ-UB* ngày 27 tháng 4 năm 1999 của UBND Tỉnh uỷ quyền cho Sở Thương mại và Du lịch xét duyệt kế hoạch và quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên hợp doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác. Tiếp đến, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ra *Quyết định 106/2002/QĐ-UB* ngày 30/08/2002 về việc thành lập và quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu [196]. Đảng bộ Tỉnh cũng chú trọng *phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội* trong giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp.

#### **2.1.3.2. Khuyến khích ứng dụng khoa học – công nghệ**

Ngày 30/8/2002, UBND tỉnh Bắc Ninh ra *Quyết định số 108/2002/QĐ-UB* về hỗ trợ các loại cây, con, giống mới, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giúp đỡ đầu tư xây dựng hạ tầng .... Ngoài ra UBND Tỉnh còn có động thái tích cực như ra *Quyết định số 23/2002/QĐ-UB* ngày 22/02/2002 quy định về thưởng cho các đơn vị sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm và hỗ trợ đối với các sản phẩm mới; *Chỉ thị số 04/CT* ngày 03/3/1998 của Chủ tịch UBND Tỉnh về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nghề làm vườn và kinh tế VAC... Ngày 26/07/2001, Tỉnh ủy Bắc Ninh có *Nghị quyết 06/NQ/TU* về định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, mở đường cho sự hình thành và phát triển các mô hình kinh tế trang trại tại tỉnh Bắc Ninh. Để nghề làm vườn và kinh tế VAC trở thành một ngành sản xuất hàng hoá quan trọng của tỉnh Bắc Ninh, *Chỉ thị số 04/CT* ngày 03/3/1998 yêu cầu các địa phương “xây dựng quy hoạch, kế hoạch, giành một phần kinh phí cho phát triển nghề vườn và kinh tế VAC, trên cơ sở điều kiện cụ thể và kinh nghiệm, truyền thống của địa phương” [182].

Tuy nhiên, trình độ trang thiết bị công nghệ của khu vực KTTN Bắc Ninh còn lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Do hạn chế về vốn và cơ hội tiếp cận khoa học - công nghệ nên các đơn vị KTTN ít có khả năng đổi mới công nghệ...

#### **2.2.4. Phát triển nguồn nhân lực**

##### **2.2.4.1. Nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo**

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII), ngày 14 tháng 5 năm 1997, Tỉnh ủy ban hành *Nghị quyết số 3-NQ/TU* về giáo dục và đào tạo, khoa học- công nghệ và môi trường. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI về định hướng xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.

Ngày 24-9-2002, Tỉnh ủy Bắc Ninh có *Chương trình số 32-CTr/TU* về thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ 6 BCHTƯ Đảng khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (VIII), phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học – công nghệ đến 2010 [9]. Tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường mầm non dân lập, các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập theo Quyết định số 110/2002/QĐ-UB ngày 6/9/2002. Nhờ đó, giáo dục của Tỉnh phát triển đồng bộ cả quy mô, chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên.

##### **2.2.4.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chính quyền Tỉnh đã xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực đến 2020 và Đề án đào tạo lao động chất lượng cao, quy hoạch “làng đại học” để thu hút các trường đại học, cao đẳng đầu tư. UBND Tỉnh đã ra *Quyết định số 105/2000/QĐ-UB* ngày 18/10/2000 Về việc quy định chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài tỉnh Bắc Ninh [189].

##### **2.2.4.3- Đào tạo nghề**

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, *Quyết định 60/2001/QĐ-UB* (ngày 26 tháng 6 năm 2001) cho phép Ngân sách Tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề trong nước cho người lao động của địa phương được tuyển dụng, mức tối đa không quá 01 triệu đồng cho 1 lao động [192]. Tiếp theo, UBND tỉnh Bắc Ninh đã có *Quyết định số 84/2003/QĐ-UB* ngày 17/9/2003 về việc phê duyệt đề án quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2003-2010. Năm 2004, tỷ lệ lao động đào tạo qua hệ thống các trường nghề của Tỉnh là 24,8%, trong đó có bằng từ Công nhân kỹ thuật chiếm 11,31%, chất lượng người lao động của khu vực KTTN Bắc Ninh cao hơn mức trung bình cả nước [77; tr.61]. Nguồn nhân lực của tỉnh Bắc Ninh được đào tạo khá kịp thời, phổ rộng với nguồn kinh phí lớn được thực hiện.

#### **Tiểu kết chương 2**

Những kết quả đã đạt được những năm 1997-2005 cho thấy, sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của Đảng bộ Tỉnh và sự chung sức của cả hệ thống chính trị cùng với các doanh nghiệp, người lao động trong quá trình phát triển. Bên cạnh những kết quả đạt được, KTTN giai đoạn này vẫn còn một số hạn chế như trình độ khoa học - kỹ thuật còn thấp, thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn, tư duy kinh doanh manh mún, chú trọng ngành thu lợi nhuận nhanh, việc chấp hành luật pháp, vệ sinh môi trường, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng... Cùng với những nguyên nhân khách quan thì những thiếu sót, nhược điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới những hạn chế trong quá trình phát triển KTTN của Tỉnh. Điều đó đòi hỏi Đảng bộ cần phải có sự chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa để khu vực KTTN ngày càng phát huy được sức mạnh, lợi thế và khắc phục được những khó khăn, nhược điểm trong thời gian sau. Những kết quả tích cực và hạn chế, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTN của Tỉnh những năm 1997-2005 là cơ sở để Đảng bộ Tỉnh tiếp tục lãnh đạo KTTN phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo.

### Chương 3

## SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC NINH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2015

### 3.1. Những căn cứ xác định chủ trương và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh

#### 3.1.1. Những căn cứ xác định chủ trương

##### 3.1.1.1. Tình hình thế giới và Việt Nam

Những tháng cuối năm 2005, đầu năm 2006, *tình hình thế giới* diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, bất ổn chính trị - xã hội, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ vẫn diễn ra ở nhiều nơi, diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở tác động trực tiếp đến các hoạt động KT- NXH của đất nước.

Ở *trong nước*, theo *Báo cáo chính trị* của BCH TƯ Đảng khoá IX tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thì nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện; kinh tế vĩ mô tương đối ổn định; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Văn hoá - xã hội cũng có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, vẫn còn có những khuyết điểm và yếu kém. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2011-2020 là cơ sở để định hướng phát triển KT- XH Bắc Ninh đến năm 2020.

##### 3.1.1.2. Tình hình tỉnh Bắc Ninh và thực trạng kinh tế tư nhân của Tỉnh

Những năm 1997-2005, dưới sự lãnh đạo của phát triển KTTN của Đảng bộ Tỉnh, KTTN của tỉnh Bắc Ninh đã đạt được một số kết quả quan trọng. KTTN Bắc Ninh đã có những đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết lao động việc làm, khơi dậy tiềm năng của người lao động, phát huy một số lợi thế so sánh của địa phương (điều kiện tự nhiên, truyền thống địa phương...). DNTN đã góp phần rất lớn vào giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao và tác động tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra một khối lượng hàng hóa dịch vụ lớn hơn, phong phú hơn, chất lượng hơn sau mỗi năm.

Bên cạnh đó, KTTN vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như trình độ khoa học kỹ thuật, chiến lược phát triển kinh tế, chấp hành luật pháp, vệ sinh môi trường, chất lượng hàng hóa... đòi hỏi Đảng bộ cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tiếp theo.

##### 3.1.1.3. Chủ trương của Đảng

Đại hội Đảng lần thứ X (4/2006) đã làm rõ hơn những vấn đề về lý luận và thực tiễn trong việc phát triển thành phần KTTN, đồng thời bàn về vấn đề cho phép đảng viên được phép làm KTTN.

Có thể nói, về KTTN, Đại hội X (2006) của Đảng đã có bước đột phá mới về nhận thức, nêu rõ: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế” [62; tr.83] và đây cũng là lần đầu tiên, KTTN được gọi tên chính thức là một thành phần kinh tế, được khuyến khích phát triển.

Sau khi Việt Nam ra nhập *Tổ chức Thương mại thế giới*, Hội nghị lần thứ 4 BCH TW khoá X (1-2007) đã ra *Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 2007*. Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khóa X (14-1-2008) [64], Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa X (9-2008), Hội nghị lần thứ 9 BCH TW khóa X (1-2009) tuy không bàn sâu về phát triển kinh tế và kinh tế tư nhân, song đã góp phần hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển đúng hướng.



Đối với kinh tế tư nhân, trên tinh thần “khuyến khích làm giàu hợp pháp”, Đại hội lần thứ XI khẳng định: “Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh” [66;tr.205-206].

Cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đại hội XI, Hội nghị lần thứ 3 BCHTW (10-2011) chỉ đạo đẩy mạnh CCHC, cải cách tư pháp, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy lùi tệ nạn, tiêu cực. Nếu như Hội nghị lần thứ 4 BCHTW (1-2012) chỉ đạo “huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế” [68], thì Hội nghị lần thứ 6 BCHTW (10-2012) tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào lĩnh vực vốn được coi là vùng cấm địa, vùng đặc quyền của Nhà nước...[68].

Như vậy, từ năm 2005-2015, triển khai các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế tư nhân, các Đại hội Đảng, các Hội nghị Trung ương Đảng đã tạo ra những xung lực mạnh mẽ cho kinh tế tư nhân tiến lên và khẳng định vai trò của mình trong nền kinh tế.

### **3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh**

Bước vào giai đoạn mới (2005-2015), Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã ngày càng chú trọng hơn vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTN. Đối với KTTN, trên tinh thần “tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển” [71; tr.40], Đại hội XVII chủ trương “có cơ chế, chính sách thích hợp để huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực. Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp có số vốn đầu tư nước ngoài lớn và kỹ thuật tiên tiến” [71; tr.40]. Tỉnh ủy Bắc Ninh ra *Nghị quyết số 04-NQ/TU* ngày 9 tháng 11 năm 2006 Về phát triển nguồn lực. Để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế, Tỉnh ủy Bắc Ninh ra *Nghị quyết số 02-NQ/TU* ngày 29 tháng 5 năm 2006 Về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại hóa. Tiếp đến, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh ra *Kết luận số 65-KL/TU* ngày 10 tháng 12 năm 2007 Về định hướng và các giải pháp phát triển các khu, cụm công nghiệp đến năm 2015. Các nghị quyết nêu trên đều hướng tới việc tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút đầu tư.

Phục vụ mục tiêu đẩy mạnh CNH-HĐH nông thôn và thúc đẩy kinh tế nông thôn ngày càng phát triển, Tỉnh ủy và HĐND Tỉnh đã ban hành một số nghị quyết, kết luận: Hội nghị lần thứ 5 BCH Đảng bộ Tỉnh khóa XVII ngày 10 tháng 11 năm 2006 ra *Kết luận số 22-KL/TU* Về tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2006-2010. Tiếp tục thực hiện *Kết luận số 22-KL/TU* của BCH Đảng bộ Tỉnh (XVII), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra *Kết luận số 90-KL/TU* ngày 9 tháng 5 năm 2008 Về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 134 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành *Nghị quyết số 16-NQ/TU* ngày 30 tháng 10 năm 2009, về phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nông thôn tỉnh Bắc Ninh gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tại Nghị quyết Đại hội XVIII (2010), Để phát triển kinh tế nói chung, KTTN nói riêng, Đảng bộ Tỉnh khẳng định: Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh [73; tr.113].

Như vậy, về phát triển KTTN, ở cả hai kỳ Đại hội lần thứ XVII và lần thứ XVIII của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đều nổi bật lên các quan điểm như sau: *Một là*, coi phát triển mạnh KTTN được coi là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN của Tỉnh. *Hai là*, huy động và sử

dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực cho phát triển KTTN. *Ba là*, phát triển KTTN cả về quy mô, số lượng cũng như chất lượng, đa dạng, nhanh, bền vững với tốc độ tăng trưởng cao. *Bốn là*, khuyến khích thành phần KTTN mở mang ngành nghề, cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. *Năm là*, tiếp tục tạo các điều kiện thuận lợi cho KTTN phát triển lành mạnh theo hướng bền vững.

### **3.2. Hiện thực hóa chủ trương của Đảng bộ Tỉnh**

#### **3.2.1. Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi**

##### *3.2.1.1. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô*

Ổn định kinh tế vĩ mô là sự ổn định về các chỉ số kinh tế mang tầm vĩ mô –đề đạt mục tiêu đó và thực hiện yêu cầu “tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững” [71; tr.39].

Từ năm 2005, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bắc Ninh bước vào giai đoạn triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII. Với những cố gắng, kinh tế vĩ mô của tỉnh Bắc Ninh ổn định và có mức tăng trưởng cao, có chuyển biến về chất lượng và hiệu quả, vượt qua suy giảm kinh tế, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra; trong đó tổng sản phẩm (GDP) “tăng bình quân 15,1% năm, đạt mục tiêu Đại hội XVII đề ra; công nghiệp - xây dựng tăng 18,3%, dịch vụ tăng 19,1%, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,2 %” [73; tr.63]. Bước vào năm 2010, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong 5 năm (2005-2010), Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ Tỉnh được tổ chức. Những nỗ lực to lớn của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã đem lại những kết quả quan trọng về kinh tế vĩ mô. Kinh tế phát triển mạnh, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả. Ổn định kinh tế vĩ mô liên tục từ năm 2005 đến năm 2015 là một trong những kết quả quan trọng phản ánh về những chủ trương và bước đi đúng hướng của Đảng bộ. Kết quả ấy là cơ sở, là nền tảng, trên đó KTTN có điều kiện phát triển nhanh chóng.

##### *3.2.1.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư*

Trên quan điểm “tiếp tục phát triển mới các khu công nghiệp và khu đô thị dọc các đường quốc lộ, tỉnh lộ theo hướng hiện đại” [71;tr.44], Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh đã ra các *Nghị quyết số 02-NQ/TU*, ngày 04/5/2006 Về xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; *Nghị quyết số 02-NQ/TU*, ngày 29/5/2011 Về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ Tỉnh, ngày 31/01/2007, Chủ tịch UBND Tỉnh đã ra *Quyết định số 161/QĐ-UB* thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Nghị sự 21 tỉnh Bắc Ninh, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư-cơ quan thường trực chủ trì cùng các sở, ban, ngành liên quan xây dựng Chiến lược phát triển bền vững của Tỉnh. Tiếp đó, năm 2009, UBND Tỉnh ban hành *Quyết định số 165/2009/QĐ-UBND* Về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng của doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp tại tỉnh Bắc Ninh [225].

##### *3.2.1.3. Phát triển kết cấu hạ tầng*

Ngày 31/01/2007, Chủ tịch UBND tỉnh đã ra *Quyết định số 161/QĐ-UB* thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Nghị sự 21 về phát triển bền vững tỉnh Bắc Ninh. Đối với cơ sở hạ tầng nông thôn, *Quyết định 72/2009/QĐ-UBND* ngày 14/05/2009. Tiếp đó, *Nghị quyết 182/2010/NQ-HĐND16* ngày 09/12/2010 Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 132/2009/ NQ-HĐND16 ngày 23/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn, giai đoạn 2011 - 2015 [228]. *Quyết định 166/2010/QĐ-UBND* ngày 29/12/2010 ban hành “Quy định hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn, giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” đã nâng mức hỗ trợ các công trình đối với các tuyến kênh loại 1 và loại 2 được cấp có thẩm quyền phê duyệt lên

100% [229]. Liên tiếp trong những năm 2010-2015, UBND Tỉnh đã ban hành 12 nghị quyết, quyết định về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn.

#### *3.2.1.4. Cải cách hành chính*

Tỉnh đã tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn. *Quyết định số 59/2006/QĐ-UBND ngày 23/5/2006* [211]. Năm 2006, với *Quyết định Số: 24/2006/QĐ-UBND*, UBND tỉnh Bắc Ninh quyết định thành lập Phòng cải cách hành chính, thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh. Bước sang năm 2007, chính quyền tỉnh Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh CCHC thông qua việc áp dụng thực hiện cơ chế “một cửa” tại UBND các huyện, thành phố của tỉnh Bắc Ninh (*Quyết định Số: 28/2007/QĐ-UBND*) Năm 2014, UBND Tỉnh ra *Quyết định số 386/2014/QĐ-UBND* về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [239].

Trong hai năm 2014 -2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ra hai Quyết định quan trọng về CCHC. Cụ thể là: *Quyết định Số 250/2014/QĐ-UBND* ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về Quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. *Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND* ngày 12 tháng 08 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh [245].

#### *3.2.2. Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực vật chất*

##### *3.2.2.1. Khả năng tiếp cận đất đai*

Năm 2006, UBND ra *Quyết định 123/2006/QĐ* ngày 8/12/2006 về chính sách đất đai tạo thuận lợi để KTTN được “bung ra”. Cũng trong năm 2006, với *Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND* về việc quy định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [210]. Cũng trong năm 2006, Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thuộc tỉnh Bắc Ninh ra đời (ban hành kèm theo *Quyết định số 26/2006/QĐ-UBND* ngày 29/3/2006 của UBND tỉnh Bắc Ninh) [209].

Trong năm 2014, UBND tỉnh Bắc Ninh ra hàng loạt quyết định (*Quyết định số 339/2014/QĐ-UBND*); (*Quyết định số 333/2014/QĐ-UBND*)... Ngày 17/6/2014, UBND Tỉnh ra *Quyết định số 254/2014/QĐ-UBND* về việc ưu đãi đối với các Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa đã được giao đất tại các đô thị ở tỉnh Bắc Ninh [241]. Tháng 12-2015, thông qua *Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND* Về việc hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú, khách sạn cao cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020 [246].

Nhìn chung lại, trong những năm 2005-2015, chính sách ưu đãi đối với đất đai nhằm phát triển kinh tế nói chung, KTT nói riêng của chính quyền tỉnh Bắc Ninh có những điểm chính như sau:

*Thứ nhất*, chính quyền tỉnh Bắc Ninh có nhiều ưu đãi tiếp cận và sử dụng quỹ đất đối với các dự án đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nhất là các dự án thuộc diện đặc biệt, ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư. *Thứ hai*, chính quyền Tỉnh hỗ trợ tiền thuê đất cho các đơn vị kinh tế nếu thuê đất của nhà nước. *Thứ ba*, chính quyền Tỉnh hỗ trợ tiền thuê đất cho các doanh nghiệp nếu thuê đất của tư nhân; đồng thời, miễn giảm tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất. *Thứ tư*, chính quyền Tỉnh công khai các thông tin về quy hoạch đất đai, các kế hoạch sử dụng đất đai. *Thứ năm*, các doanh nghiệp được tạo mọi điều kiện thuận lợi để thuê đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; tổ chức giới thiệu mặt bằng cho các nhà đầu tư

##### *3.2.2.2. Tiếp cận, hỗ trợ vốn*

Năm 2006, với *Quyết định số 1063/QĐ-UBND* về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với các dự án đầu tư xây dựng mới [207]. Hiện thực hóa chủ trương “huy động các nguồn lực tài chính phục vụ sản xuất, đảm bảo tốc độ tăng trưởng nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nhất là nguồn vốn ngân sách” [71; tr.50], ngày 25/02/2008, UBND Tỉnh ra *Quyết định số 267/QĐ-UBND* thành lập Quỹ bảo lãnh tín

dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Năm 2012, UBND Tỉnh đã ban hành *Quyết định số 67/2012/QĐ-UBND* về việc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh năm 2012. Những tháng đầu năm 2013, Bắc Ninh đã triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo *Quyết định số 67/2012/QĐ-UBND* ngày 8-10-2012 của UBND tỉnh [248]. Tiếp đó, *Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND* Về việc hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú, khách sạn cao cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2020 [246]. Đầu năm 2013, nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, Bắc Ninh đã triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo *Quyết định số 67/2012/QĐ-UBND* ngày 8-10-2012 của UBND Tỉnh.

### **3.2.3. Đẩy mạnh hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, kích lệ kinh tế tư nhân phát triển**

#### **3.2.3.1. Tháo gỡ khó khăn**

Để giúp KTTN vượt qua khó khăn, trở thành động lực thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã tìm giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Theo tinh thần *Kết luận số 64-KL/TW* ngày 09/02/2010 của Ban Bí thư (khoá X) về thực hiện *Nghị quyết số 14-NQ/TW* ngày 18/3/2002 của BCH TƯ (Khoá IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp trên địa bàn về xây dựng và phát triển thương hiệu HĐND Tỉnh đã ra *Nghị quyết số 134-NQ/HĐND16* ngày 23 tháng 4 năm 2009, *quyết số 124/2014/NQ/HĐND17* về việc sửa đổi *Nghị quyết số 134/2009/NQ-HĐND16* ngày 23/4/2009 nhằm hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Với mong muốn cải thiện điều kiện về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, ngày 4/9/2014, UBND Tỉnh ra *Quyết định số 386/2014/QĐ-UBND* về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [239].

Để hỗ trợ các đơn vị KTTN trong thực hiện nghĩa vụ *bảo vệ môi trường*, UBND Tỉnh đã ra *Quyết định số 48-QĐ/UBND* ngày 9/4/2008 và *Quyết định số 64-QĐ/UBND* ngày 23/5/2011 Về bảo vệ môi trường làng nghề, cụm công nghiệp; đồng thời, ban hành Quy chế Phối hợp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước và bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

#### **3.2.3.2. Kích lệ kinh tế tư nhân phát triển**

Để kích lệ KTTN phát triển, ngày 03/6/2009, UBND Tỉnh ra *Quyết định số 82-QĐ/UBND* quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét danh hiệu và khen thưởng đối với làng nghề, thợ giỏi, nghệ nhân, tổ chức, cá nhân có công đưa nghề mới về các địa phương tỉnh Bắc Ninh. Coi việc *xây dựng đội ngũ doanh nhân* là một trong những yếu tố mang tính đòn bẩy để phát triển KTTN.

Nhận thức rõ yêu cầu *xây dựng các tổ chức Đảng, đoàn thể*, *Nghị quyết số 01-NQ/TU* ngày 24-9-2010 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVIII (9-2010) xác định: “Quan tâm phát triển đảng viên, chú trọng nữ, tuổi trẻ, cán bộ khoa học, tổ chức đảng vùng đồng bào có đạo và trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh...”[73; tr. 36]. Về phát triển đoàn thể trong doanh nghiệp, Đảng bộ Tỉnh xác định: “Củng cố, thành lập mới các tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh” [73; tr. 36-37]

Để phát triển Đảng và xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp, BCH Đảng bộ Tỉnh đã ban hành *Nghị quyết số 10-NQ/TU* ngày 20-8-2013, *Nghị quyết số 10-NQ/TU*, Đảng bộ Tỉnh cũng đã quán triệt đến các sở, ban, ngành của Tỉnh *Nghị định số 98/2014/NĐ-CP* ngày 24-10-2014 của Chính phủ Về việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Năm 2009, *Quyết định số 719-QĐ/TU* ban hành ngày 26/02/2009 về việc thành lập Đảng bộ khối Doanh nghiệp Tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng *Kế hoạch số 36-KH/TU* ngày 06/5/2013 Về thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

cũng đã triển khai các quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng như *Quy định số 170-QĐ/TW*, *Quy định 171-QĐ/TW* ngày 07/3/2013 Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân và trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; *Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW* ngày 17/10/2013 Về xây dựng mô hình tổ chức đảng ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp. Bên cạnh đó, Tỉnh uỷ tập trung chỉ đạo các đoàn thể đẩy mạnh vận động thành lập *các tổ chức đoàn thể nhân dân* ở những DNTN có đủ điều kiện.

### **3.2.4. Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực**

#### **3.2.4.1. Phát triển giáo dục – đào tạo**

Quán triệt *Nghị quyết số 12-NQ/TU* ngày 26/6/2014 của Tỉnh uỷ về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030”, ngành giáo dục tỉnh Bắc Ninh mở rộng mạng lưới trường, lớp theo hướng đa dạng hoá các loại hình học tập, phù hợp với tình hình phát triển ở địa phương. Nhờ vào những giải pháp kịp thời, chất lượng giáo dục thực chất ở các cấp học và trình độ đào tạo đã có chuyển biến, đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn ở tất cả các cấp học.

#### **3.2.4.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực đến 2020 và Đề án đào tạo lao động chất lượng cao. Đảng bộ, chính quyền Bắc Ninh ngoài việc chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương, còn có chính sách trọng dụng và thu hút nhân tài. Năm 2014, UBND Tỉnh đã ban hành *Quyết định số 326/2014/QĐ-UBND* Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, hoàn thiện thêm một bước chính sách thu hút nhân tài đã ra đời trước đó.

#### **3.2.4.1.3. Đào tạo nghề**

Tháng 4 năm 2011, UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020” với mục tiêu đào tạo nghề cho 12 nghìn lao động/năm, trong đó 85% có việc làm. Ngày 12/10/2011, UBND tỉnh Bắc Ninh ra *Quyết định số 126-QĐ/UBND* về việc Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011 - 2015 định hướng đến năm 2020 và *Quyết định số 383-QĐ/UBND* ngày 04 tháng 4 năm 2011 Về việc phê duyệt đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020. Bên cạnh đó, *Quyết định số 286/2014/QĐ-UBND* ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chế độ hỗ trợ đào tạo và sử dụng lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [242]. Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ, song công tác đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn Tỉnh vẫn còn tồn tại hạn chế.

### **Tiểu kết chương 3**

Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã đưa ra hàng loạt chủ trương nhằm tiếp tục phát triển KTTN một cách mạnh mẽ hơn trong những năm 2006-2015. Chính quyền các cấp, các Sở, ban, ngành liên quan đã hành động để tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho KTTN; tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực vật chất của KTTN; hỗ trợ kinh tế tư nhân tháo gỡ khó khăn, phát triển nội lực; đồng thời, phát triển nguồn nhân lực. Với những nỗ lực đó, KTTN ở Bắc Ninh những năm 2006-2015 đã có những bước phát triển quan trọng, dần trở thành động lực của nền kinh tế - đó chính là minh chứng cho những thành công, những ưu điểm trong sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh đối với KTTN. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng, thì KTTN Bắc Ninh cũng không tránh khỏi những hạn chế nhất định về quy mô, về chất lượng, về lĩnh vực hoạt động... Đó cũng đồng thời là một trong những cơ sở để Đảng bộ Tỉnh nhìn nhận và rút kinh nghiệm, nhằm tiếp tục phát triển thành phần kinh tế này ở những giai đoạn sau tốt hơn.

## Chương 4

### NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

#### 4.1. Nhận xét

##### 4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

###### 4.1.1.1. Ưu điểm

*Một là, đã quán triệt nghiêm túc, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng về kinh tế tư nhân vào điều kiện địa phương.* Đảng bộ Tỉnh đã nghiêm túc nghiên cứu, tổ chức quán triệt và vận dụng đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh của địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng về phát triển KTTN, coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. BCH Đảng bộ Tỉnh đã họp nhiều phiên thường kỳ và bất thường, bàn và chỉ đạo thực hiện các chuyên đề trong lĩnh vực kinh tế.

*Hai là, đã có những biện pháp, giải pháp đồng bộ trong phát triển kinh tế tư nhân*

Chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập DNTN; tạo điều kiện để KTTN đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của địa phương trong từng giai đoạn [250; tr.2].

Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chủ trương, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển; đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư, hình thành các KCN tập trung thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đi đôi với phát triển các thành phần kinh tế trong nước [250; tr.1]. Với các *Quyết định 84/CT* ngày 3/6/1997; *Quyết định 36/1998/QĐ-UB* ngày 13/6/1998, *Quyết định 74/1998/QĐ-UB* ngày 11/9/1998; *Quyết định 69/2004/QĐ-UB* ngày 28/12/2004... các DNTN, các hộ kinh doanh cá thể... đã được hỗ trợ tiền thuê đất, được quyền thuê đất với các ưu đãi.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Tỉnh, chính quyền Tỉnh đẩy mạnh CCHC, nhất là cải cách thủ tục hành chính; môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện, thông thoáng, thuận lợi hơn [250; tr.1].

*Ba là, đã chú trọng phát triển kinh tế tư nhân trong những ngành, những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn*

Ngành kinh tế mũi nhọn là ngành kinh tế khi được tập trung đầu tư phát triển sẽ có vai trò quan trọng trong việc phát triển cân đối, tối ưu, tổng hợp... nền kinh tế, từ đó góp phần đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững. Trên quan điểm đó, các ngành kinh tế mũi nhọn quan trọng được tỉnh Bắc Ninh xác định là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và du lịch.

Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo chính quyền Tỉnh thực hiện chính sách phát triển khu, CCN gắn với phát triển làng nghề, kêu gọi, hỗ trợ KTTN đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực này. *Quyết định số 128/2005/QĐ-UB*, *Quyết định 60/2001/QĐ-UB*; *Nghị quyết số 16-NQ/TU* ngày 30/10/2009 của Tỉnh ủy là những văn kiện quan trọng tạo ra khả năng, cơ hội cho KTTN phát triển mạnh mẽ trong công nghiệp. Về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, Đảng bộ Tỉnh, UBND tỉnh Bắc Ninh đã đưa ra giải pháp, chính sách thúc đẩy KTTN tham gia vào ngành kinh tế này. *Quyết định 107/2002/QĐ-UB* ngày 30/8/2002 của UBND Tỉnh là một trong những quyết định quan trọng, tạo ra hành lang pháp lý rộng mở cho sự phát triển của KTTN trong lĩnh vực du lịch.

*Bốn là, đã chú trọng phát huy vai trò của kinh tế tư nhân; từ đó, tạo động lực phát triển*

Phát triển KTTN lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển [250; tr.10]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, KTTN đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển KT-

XH của Tỉnh, góp phần vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết một số vấn đề về xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, sự phát triển nhanh của khu vực KTTN góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

#### 4.1.1.2. Nguyên nhân

**Thứ nhất**, xuất phát từ những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế tư nhân đúng đắn của Trung ương Đảng

**Thứ hai**, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã nhận thức đúng đắn vai trò, tầm quan trọng của kinh tế tư nhân

**Thứ ba**, sự tham gia xây dựng, phát triển kinh tế tư nhân của cả hệ thống chính trị và nhân dân

#### 4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

##### 4.1.2.1. Hạn chế

**Thứ nhất**, trong giai đoạn đầu chưa có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế chung của Tỉnh

Có thể nói không chỉ đối với Bắc Ninh mà ở các địa phương khác cũng có tình trạng tương tự. Nhận thức, tư tưởng, tâm lý của lãnh đạo Đảng bộ Tỉnh, chính quyền địa phương và một bộ phận lớn người dân đối với các thành phần kinh tế trong đó có khu vực KTTN chưa thực sự tích cực. Còn tồn tại những quan điểm hoặc là quá nhấn mạnh mặt tiêu cực của KTTN, tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế nhà nước hoặc là chỉ thấy mặt tích cực của KTTN; từ đó quá đề cao, phủ nhận vai trò của kinh tế nhà nước mà không thấy được hết mặt tiêu cực, hạn chế của KTTN để có chủ trương và biện pháp quản lý, dẫn dắt nó đi theo đúng định hướng XHCN. Những quan niệm, nhìn nhận hạn chế về KTTN mang tính cực đoan, định kiến đối với các thành phần kinh tế, trong đó có KTTN đã dẫn đến khắc phục.

**Thứ hai**, còn một số bất cập trong chỉ đạo ban hành cơ chế chính sách của địa phương và sự vận dụng thực thi cơ chế chính sách quốc gia

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều cơ chế chính sách cho sự phát triển KTXH nói chung và cho phát triển kinh tế nói riêng, song cơ bản đều là chính sách chung cho các thành phần kinh tế (đặc biệt là có một số chính sách ưu đãi cho một số doanh nghiệp lớn, một số lĩnh vực nhằm tạo sự bứt phá và dẫn dắt sự phát triển chung) nhưng lại ít có cơ chế chính sách nhằm riêng cho khu vực KTTN vốn có nhiều đặc điểm riêng, dễ bị tổn thương bởi tính đặc thù của thành phần kinh tế này cũng như những khó khăn trong hoạt động thực tiễn. Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế chính sách của Đảng bộ Tỉnh và chính quyền địa phương đối với KTTN còn nhiều hạn chế, bất cập, gây khó khăn đối với KTTN, biểu hiện ở trên các mặt sau: Khó khăn trong tiếp nhận vốn vay từ nguồn hỗ trợ của Tỉnh; khó khăn trong thuê mặt bằng, tiếp cận đất đai; chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu.

**Thứ ba**, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh cũng chưa có những biện pháp cụ thể để tạo điều kiện và phát huy tốt vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân

Hoạt động của một số Hiệp hội doanh nghiệp còn mang tính hình thức, nội dung hoạt động chưa hấp dẫn, cơ quan thường trực của nhiều hiệp hội hạn chế và năng lực, không chuyên nghiệp và vẫn có tâm lý ỷ lại vào nhà nước.

##### 4.1.2.2. Nguyên nhân

**Một là**, tình hình thế giới và khu vực diễn biến mau lẹ, phức tạp và khó lường

**Hai là**, những bất cập, thiếu đồng bộ của cơ chế, chính sách vĩ mô từ Trung ương

**Thứ ba**, trong chỉ đạo xây dựng môi trường kinh doanh vẫn còn những bất cập nhất định

#### 4.2. Kinh nghiệm

#### ***4.2.1. Cần mạnh dạn đổi mới và có những bút phá trong quán triệt chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Trung ương phù hợp với đặc điểm của địa phương***

Những năm 1986-2015, Đảng cho phép KTTN được phát triển, đây thực sự là một đột phá lớn trong nhận thức của Đảng để từ đó, Đảng khuyến khích bổ sung và sửa đổi thể chế nhằm bảo đảm cho tập thể, cá thể và tư nhân được phát triển; đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ, giúp đỡ giúp thành phần kinh tế này làm ăn hiệu quả [62; tr.417].

Nắm vững chủ trương của Đảng về KTTN, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã phân tích ưu điểm, lợi thế những khó khăn của tỉnh Bắc Ninh; từ đó, tìm ra đặc điểm của địa phương để đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp trong phát triển KTTN. Đảng bộ Tỉnh đã nhận định “khai thác các nguồn lực của các thành phần kinh tế, vận dụng các chính sách khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài” [69; tr.22], từng bước tiến hành CNH, HĐH, “chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ công nghiệp và xuất khẩu” [69;tr.21].

Ngay từ rất sớm, Đảng bộ Tỉnh đã xác định phải “vận dụng các chính sách khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài” [69;tr.22] để “khai thác các nguồn lực của các thành phần kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng” [69;tr.22]. Với định hướng đó, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh tạo tạo điều kiện thuận lợi cho KTTN về vay vốn, giúp đỡ kỹ thuật, tiếp thị, bồi dưỡng cán bộ....[69;tr.33]. Tiếp đó, các Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, XVII và XVII đều có chủ trương “khuyến khích thành phần kinh tế cá thể, tư nhân đầu tư mở rộng quy mô và thành lập mới các cơ sở sản xuất, dịch vụ” [70;tr.55].

#### ***4.2.2. Cần sáng tạo, chủ động trong lãnh đạo đề ra các quyết sách phát triển kinh tế tư nhân***

Trước khi tái lập tỉnh Bắc Ninh xuất phát từ nền kinh tế thấp, kém phát triển. Khi tách tỉnh từ năm 1997 đến năm 2015, nhờ có đường lối nhất quán và các chủ trương chỉ đạo thích hợp, kịp thời của Đảng bộ Tỉnh qua các Nghị quyết, các văn bản pháp quy thể chế hóa chính sách của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, khu vực KTTN đã đạt được những thành công nhất định như: phát triển về số lượng, tăng trưởng về chất lượng, đóng góp vào ngân sách của địa phương, giải quyết công ăn việc làm, đổi mới công nghệ sản xuất...

Để đạt được những thành tựu đó có nhiều yếu tố, trong đó có vai trò vô cùng quan trọng các quyết sách mà Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo ban hành trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đó là các cơ chế, chính sách mà Tỉnh đã thực hiện sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn phát triển KTTN của địa phương. Ngoài ra còn có sự tác động gián tiếp của hàng loạt các cơ chế chính sách khác đến phát triển kinh tế của Tỉnh như các chính sách bồi dưỡng thu hút nhân tài, các chính sách phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, các chính sách về an sinh xã hội, cải cách hành chính...

Có thể nói, không chỉ nắm vững các quan điểm của Đảng về phát triển KTTN và hiện thực hóa chúng vào địa phương thông qua các chủ trương, chính sách kịp thời, phù hợp, mà Đảng bộ Tỉnh còn sáng tạo, chủ động để đưa ra các chủ trương, biện pháp, giải pháp linh hoạt, đi trước một bước, nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho KTTN phát triển.

#### ***4.2.3. Nhạy bén, năng động trong phát huy các lợi thế, khai thác các tiềm năng cho phát triển kinh tế tư nhân***

Để lãnh đạo phát triển KTTN đạt được kết quả tích cực, Đảng bộ Tỉnh đã tích cực bám sát thực tiễn, nghiên cứu, đánh giá, đưa ra những nhận định chính xác về tình hình, yêu cầu, về các điều kiện, nhân tố tác động, thế mạnh, hạn chế trên từng mặt, từng yếu tố đến sự phát triển KTTN. Tập trung khai thác các nguồn lực, tận dụng và phát huy thế mạnh của địa phương trong điều kiện mở cửa, Đảng bộ Tỉnh đã đề ra những chủ trương phát triển KTTN...



Bắc Ninh là tỉnh “có lịch sử lâu đời, có nhiều làng nghề với kỹ thuật tinh xảo. Nhân dân lao động cần cù, thông minh, sớm tích lũy được kinh nghiệm trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp và nhạy cảm với kinh tế thị trường” [69; 10-11] – đây là một trong những lợi thế so sánh quan trọng của Tỉnh.

Phát huy lợi thế địa lý trong thu hút đầu tư, Đảng bộ Tỉnh đã chỉ đạo tiến, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền sử dụng đất trong những năm đầu hoạt động; tư vấn, hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; tổ chức công tác tài chính, kế toán; cung cấp thông tin; hướng dẫn quản trị doanh nghiệp và tư vấn pháp luật...

#### ***4.2.4. Chú trọng chỉ đạo tạo lập đồng bộ các yếu tố mang tính đòn bẩy cho kinh tế tư nhân phát triển***

Trong quá trình chỉ đạo phát triển KTTN, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã nhận thức được tầm quan trọng của việc cụ thể hóa các chủ trương vào đời sống thực tiễn, bằng cách không ngừng hoàn thiện chính sách quản lý vĩ mô, ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra nhằm tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp, người dân làm ăn trong khu vực KTTN được bình đẳng, minh bạch, công bằng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng trong sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, Đảng bộ đã chú ý tháo gỡ rào cản đối với KTTN, hoàn thiện và bảo đảm cơ chế thực thi nghiêm minh, có hiệu quả pháp luật về hợp đồng; không biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTN thành bao cấp, phục vụ “lợi ích nhóm” dưới mọi hình thức.

Đảng bộ Tỉnh cũng luôn quan tâm phát triển đa dạng các định chế tài chính, các Quỹ phát triển đất, Quỹ đầu tư - phát triển tỉnh, các tổ chức tài chính vi mô, các tổ chức tư vấn tài chính, dịch vụ kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xếp hạng tín nhiệm... Trong quá trình chỉ đạo phát triển KTTN, Đảng bộ đã coi trọng và phát huy vai trò của các cơ quan, ban, ngành liên quan, trực tiếp là các chủ thể tham gia vào khu vực KTTN, tập trung chỉ đạo, triển khai các biện pháp thúc đẩy KTTN ngày càng phát triển mạnh mẽ

Đảng bộ Tỉnh không ngừng phát huy vai trò của hệ thống chính trị và của chính các chủ thể kinh tế trong khu vực KTTN, làm cho cả hệ thống chính trị và nhân dân cùng tích cực xây dựng, phát triển KTTN ngày càng lớn mạnh, hiệu quả.

#### **Tiểu kết chương 4**

Bắc Ninh là một tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển KTTN; đồng thời, cũng có không ít khó khăn, rào cản để thành phần kinh tế này phát triển một cách hiệu quả. Sau 18 năm (1997-2015) xây dựng và phát triển KT- XH; trong đó có KTTN, bức tranh toàn cảnh về kinh tế, văn hóa – xã hội của tỉnh Bắc Ninh đã có sự thay đổi nhanh chóng bởi trong sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh về phát triển thành phần kinh tế có nhiều có rất nhiều ưu điểm. Song bên cạnh những ưu điểm, thì trong sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh đối với KTTN vẫn không tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Ưu điểm hay nhược điểm thì đều có nguyên nhân của nó.

Từ những ưu điểm và hạn chế trong sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đối với KTTN, có thể đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu sau: Cần mạnh dạn đổi mới và có những bứt phá trong quán triệt chủ trương phát triển KTTN của Trung ương phù hợp với đặc điểm của địa phương; cần sáng tạo, chủ động trong lãnh đạo đề ra các quyết sách phát triển KTTN; nhạy bén, năng động trong phát huy các lợi thế, khai thác các tiềm năng cho phát triển KTTN; chú trọng chỉ đạo tạo lập đồng bộ các yếu tố mang tính đòn bẩy cho KTTN phát triển.

## KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “*Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển kinh tế tư nhân từ năm 1997 đến năm 2015*”, luận án đi đến những kết luận sau:

1- Đối với phát triển kinh tế - xã hội, vai trò của các thành phần kinh tế khác nhau là rất to lớn, nhất là vai trò của KTTN. Do đặc điểm đó và nhất là ở Việt Nam, KTTN dần được nhận thức như là một động lực quan trọng của nền kinh tế; từ đó, được khuyến khích phát triển, nên viết, nghiên cứu về KTTN nói chung, KTTN ở Việt Nam và ở các địa phương nói riêng ngày càng phát triển và nở rộ.

Xuất phát từ mục đích, yêu cầu của đề tài luận án, tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đã chỉ ra được những thành tựu nghiên cứu chủ yếu về KTTN trên các phương diện như nội dung khoa học, phương pháp nghiên cứu, nguồn tài liệu, góc độ tiếp cận...; đồng thời, cũng nhận thấy một số “khoảng trống” nghiên cứu. Trên tinh thần đó, soi chiếu vào đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án, kế thừa thành quả của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án đã xác định rõ những nội dung luận án tập trung giải quyết; đồng thời, chỉ ra các kết quả nghiên cứu mới mà luận án hướng tới.

2- Những năm tiến hành công cuộc đổi mới, ĐCSVN đã từng bước nhận thức rõ vai trò của KTTN trong tổng thể nền kinh tế cũng như trong sự phát triển nhanh và bền vững của kinh tế - xã hội để từ đó đưa ra những chủ trương, chính sách phát triển KTTN cả về quy mô và chất lượng.

Sau khi tái lập Tỉnh (1997, đứng trước những thuận lợi, khó khăn và yêu cầu đặt ra về phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã phân tích đặc điểm tình hình, tìm ra lợi thế so sánh và các tiềm năng của Tỉnh, quán triệt đầy đủ các chủ trương về phát triển KTTN của Trung ương Đảng; từ đó đưa ra các chủ trương, biện pháp, giải pháp phát triển kinh tế nói chung, KTTN nói riêng. Nhìn chung, quan điểm, chủ trương của Đảng bộ Tỉnh về phát triển KTTN là luôn coi thành phần kinh tế này là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế; phát triển mạnh KTTN được coi là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN của Tỉnh; đồng thời, coi đó là làm cho KTTN thực sự trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Đảng bộ Tỉnh chủ trương xóa bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo điều kiện để KTTN phát triển lành mạnh và đúng hướng; phát huy mặt tích cực của KTTN; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát để hạn chế mặt tiêu cực của thành phần kinh tế này. Trên nền tảng kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, Đảng bộ Tỉnh chủ trương đẩy mạnh phát triển KTTN trong mối quan hệ chặt chẽ với các thành phần kinh tế khác; đồng thời phát triển KTTN cả về quy mô, số lượng cũng như chất lượng và phát triển trong tất cả các lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đặc biệt chú ý đến phát triển làng nghề, kinh tế trang trại, kinh tế hộ... Nhận thức rằng, tạo lập, phát triển các điều kiện thuận lợi cho KTTN phát triển là yếu tố quan trọng nhất tác động trực tiếp tới năng lực hoạt động sản xuất của KTTN, Đảng bộ Tỉnh khuyến khích huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực cho phát triển KTTN gắn với khuyến khích KTTN mở mang ngành nghề, cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Có thể nói, đó là một hệ thống chủ trương tương đối hoàn chỉnh, dần được hoàn thiện từng bước phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần quan trọng tạo đà cho KTTN phát triển đúng hướng, hiệu quả, góp phần thúc đẩy KT- XH của Tỉnh ngày càng phát triển lớn mạnh theo hướng bền vững.

3- Để hiện thực hóa các chủ trương nêu trên, Đảng bộ Tỉnh đã tích cực và quyết liệt chỉ đạo chính quyền các cấp, các sở ban ngành có liên quan trên mọi mặt công tác, nhằm tạo mọi điều kiện cho KTTN phát triển. Các giải pháp, biện pháp, chính sách được Đảng bộ, chính quyền Tỉnh đề ra đều tập trung nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực vật chất của KTTN; hỗ trợ kinh tế tư nhân tháo gỡ khó khăn, phát triển nội lực; đồng thời, phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực. Để

các chính sách đó thực sự là đòn bẩy giúp KTTN phát triển vững chắc, Đảng bộ, chính quyền Tỉnh đã đưa ra các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, cải cách hành chính đi đôi với bảo đảm khả năng tiếp cận đất đai, tiếp cận, hỗ trợ vốn, tháo gỡ khó khăn cho KTTN trong quảng bá hình ảnh, xúc tiến đầu tư, tiếp cận thị trường... Bên cạnh đó, Đảng bộ Tỉnh còn khuyến khích KTTN áp dụng khoa học – kỹ thuật, đổi mới công nghệ; khuyến khích phát triển đội ngũ doanh nhân, phát triển đảng viên trong các đơn vị KTTN; đồng thời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho KTTN trên các bình diện như nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo nghề.

4- Nhìn lại toàn bộ quá trình Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lãnh đạo phát triển KTTN những năm 1997-2015, có thể thấy trong sự lãnh đạo đó có những ưu điểm nổi bật như nắm vững và vận dụng sáng tạo, đột phá các chủ trương của Trung ương Đảng về phát triển KTTN phù hợp với đặc điểm của địa phương; đề ra các giải pháp, biện pháp đồng bộ trong thúc đẩy KTTN phát triển. Bên cạnh đó, còn có các ưu điểm, thành công quan trọng như quan tâm phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, chú trọng phát triển thành phần kinh tế này trong những ngành, những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận một thực tế là dù có rất nhiều ưu điểm, thành công, song bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh đối với KTTN vẫn còn một số hạn chế, bất cập như có những thời điểm chưa có những nhận thức đầy đủ về giá trị của KTTN, chỉ đạo ban hành cơ chế, chính sách còn có những lúng túng, chưa chú ý một cách đầy đủ đến một số yếu tố mang tính động lực cho KTTN phát triển.

Từ việc phân tích ưu điểm, hạn chế trong sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phát triển KTTN những năm 1997-2015, tìm ra nguyên nhân những ưu điểm và hạn chế đó, có thể đúc rút được những kinh nghiệm tiêu biểu như: Mạnh dạn đổi mới và có những bứt phá trong quán triệt chủ trương phát triển KTTN của Trung ương phù hợp với đặc điểm của địa phương; sáng tạo, chủ động trong lãnh đạo đề ra các quyết sách phát triển KTTN; nhạy bén, năng động trong phát huy các lợi thế, khai thác các tiềm năng cho phát triển KTTN; chú trọng chỉ đạo tạo lập đồng bộ các yếu tố mang tính đòn bẩy cho KTTN phát triển.

Những kinh nghiệm nêu trên không chỉ có giá trị trong phát triển KTTN ở tỉnh Bắc Ninh nói riêng mà còn có thể vận dụng trong phát triển KTTN trong nhiều địa phương khác và trên cả nước nói chung.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ  
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vũ Thị Yên (2015), “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đổi mới cơ chế, chính sách và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay* (11), tr.40-41.
2. Vũ Thị Yên (2019), “Phát triển kinh tế tư nhân ở tỉnh Bắc Ninh (2006-2017)- Chủ trương và một số kết quả”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (11), tr.114-117.
3. Vũ Thị Yên (2019), “Giải pháp phát triển kinh tế tư nhân ở Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* (34, T12), tr.70-72.
4. Nguyễn Thị Mai Hoa, Vũ Thị Yên (2020), “Phát triển kinh tế tư nhân (2001-2020)- Từ chủ trương đến thực tiễn”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (11), tr.70-73.
5. Vũ Thị Yên (2020), ”Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam - Từ nhận thức tới thực tiễn (2001-2020)”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế Đông Nam Á* (12), tr.13-15.